

Bản án số: 693/2026/HS-PT

Ngày: 21 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trực

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thương Huyền;

2. Ông Trương Công Huân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 585/2026/HS-PT ngày 14 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo Phạm Đức T và Nguyễn Quang Th, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 406/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu Vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Đức T; giới Th: nam; sinh ngày 05/02/1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: đường I, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; số CCCD: 079078013858; Đảng phái chính trị: bị cáo là đảng viên đã bị kỷ luật khai trừ ngày 16/6/2025; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nguyên là cán bộ công an; con ông Tr và bà Nguyễn Thị V; vợ: Võ Thị Đ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Đình B và bà Đỗ Thị Kim H – Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

2. Nguyễn Quang Th; giới Th: nam; sinh ngày 07/4/1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: đường S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; số CCCD: 079087005940; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Doãn L và bà Nguyễn Thị E; vợ: Nguyễn Thị Thảo Q (sinh năm 1987) và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 220/2024/HSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách

02 (hai) năm Th từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 26/4/2024, Tổ công tác 363 K, Công an Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước địa chỉ số A đường K, phường M, Quận V (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện Nguyễn Quang Th điều khiển xe mô tô biển số 55Y8-4255 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong điện thoại của Th có nhiều tin nhắn về việc mua bán số đề. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi “Đánh bạc” của Nguyễn Quang Th và đồng phạm tại địa chỉ đường S, J, Quận V (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/9/2024, Tòa án nhân dân Quận V (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh) tuyên phạt Nguyễn Quang Th 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm về tội “Đánh bạc”. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Nguyễn Quang Th còn khai nhận trong khoảng thời gian Th ghi số đề, từ tháng 01/2023, Phạm Đức T là cảnh sát khu vực nơi Th sinh sống và ghi số đề phát hiện hành vi vi phạm của Th và do lo sợ bị T xử lý nên Th đề nghị mỗi tháng sẽ gửi cho T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng để T xem như không biết việc Th bán số đề và không nhắc gì nữa thì T đồng ý. Tin nhắn zalo giữa Th và T thể hiện T cung cấp số tài khoản Ngân hàng của T cho Th để hàng tháng Th chuyển khoản 1.000.000 (một triệu) đồng cho T, Th đã thực hiện chuyển tiền cho T từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024 (15 tháng), số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định: đầu năm 2023, Th quen biết với Phạm Đức T (là Cảnh sát khu vực nơi Th sinh sống), T biết Th có ghi số đề. Khoảng tháng 01/2023, vào một buổi chiều tối, T đến nhà của Th, gọi Th ra quán cà phê để nói chuyện. Tại đây, T hỏi Th bán số đề đúng không, lúc này Th nghĩ rằng T biết việc Th bán số đề nên Th thừa nhận với T rằng Th có bán số đề nhưng chỉ làm ăn nhỏ. Lúc này, T đáp lại “*Bây giờ làm nhỏ, mai mốt làm lớn*”. Sợ bị T xử phạt nên Th đề nghị với T là hàng tháng sẽ gửi cho T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng gọi là tiền cà phê, đổi lại T xem như không biết việc Th bán số đề, T gật đầu đồng ý. Sau đó, T cho Th số điện thoại của T để Th kết bạn Zalo với T, Th lưu số điện thoại của T trong điện thoại di động của Th là “T CA” cho nên khi Th kết bạn zalo với T thì tài khoản zalo của T hiển thị trên điện thoại của Th là “T CA” (Th sử dụng tài khoản zalo tên “Tom” để kết bạn với T). Ngày 15/01/2023, T có nhắn cho Th số tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0071000807714, chủ tài khoản là PHAM DUC T, để Th chuyển tiền (đã thu thập hình ảnh chứa nội dung tin nhắn thể hiện việc T nhắn số tài khoản Ngân hàng của T cho Th vào lúc 18 giờ 56 phút ngày 15/01/2023, đến 19 giờ 00 tin nhắn “*nhận rồi*” và gửi cho Th (qua kiểm tra lịch sử giao dịch, xác định được Th đã gửi cho T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng vào lúc 19 giờ 00 ngày

15/01/2023). Hàng tháng vào ngày 15 (hoặc 16) Th sử dụng tài khoản Sacombank số 060234045485 của Th chuyển số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng vào tài khoản Vietcombank của T. Liên tục từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024 hàng tháng Th đã chuyển cho T số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng (sau mỗi lần chuyển tiền Th đều chụp ảnh màn hình đã chuyển tiền gửi qua zalo cho T để xác nhận đã chuyển tiền). Từ tháng 4/2024, Th không tiếp tục chuyển tiền cho T do khó khăn về tài chính, Th nhắn tin cho T nhưng T không trả lời và cũng không có liên lạc gì với Th nữa. Đến ngày 26/4/2025, Th bị kiểm tra và bị phát hiện như đã nêu trên.

Phạm Đức T: thừa nhận đã nhận số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng trong 15 tháng từ Nguyễn Quang Th chuyển khoản, tuy nhiên T không thừa nhận lý do nhận tiền là để bỏ qua, không xử lý Th về hành vi ghi sổ đề mà là tiền do Th gửi để bồi dưỡng cho T và anh em trong lúc làm việc. Do đó, T không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Trước khi chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra, Tổ thanh tra Công an Quận V đã làm việc với Phạm Đức T, theo biên bản làm việc: Phạm Đức T xác nhận có biết Nguyễn Quang Th hoạt động bán số đề nhưng Th hoạt động mua bán số đề tại phường Y, Quận V chứ không hoạt động tại J, Quận V. Tuy nhiên đến khi làm việc với Cơ quan điều tra, T đã phủ nhận việc biết Th bán số đề. Đối với số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng Phạm Đức T nhận từ Nguyễn Quang Th, T chưa nộp khắc phục số tiền này.

Tang vật thu giữ: không.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 406/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu Vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: “...

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Nhận hối lộ” và tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Th phạm tội “Đưa hối lộ”.

[2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Luật K6/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”, thời hạn tù Th từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364, điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Luật K6/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Th 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”, thời hạn tù Th từ ngày bị cáo chấp hành án.

[4] Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/VBHN ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao;

Không tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 220/2024/HSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận V (cũ) (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026 bị cáo Phạm Đức T có đơn kháng cáo xin xem xét lại hành vi của bị cáo có phạm tội “Nhận hối lộ”, nếu có tội thì cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 bị cáo Nguyễn Quang Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ và áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Quang Th, Phạm Đức T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên bị cáo T cho rằng việc nhận tiền của Th là do Th tự nguyện bồi dưỡng cho T và anh em làm việc, không phải để bỏ qua việc Th ghi sổ đề nên xin xem xét lại tội nhận hối lộ có đủ yếu tố cấu thành hay không. Bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo T bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới là đã thi hành nộp số tiền 15.000.000 đồng thu lợi theo bản án sơ thẩm tuyên buộc. Trong phần tranh luận bị cáo T đồng ý phần bào chữa của Luật sư về tình tiết giảm nhẹ. Nói lời sau cùng bị cáo xin xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Nguyễn Quang Th tự nguyện xin rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu kết luận về vụ án: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo Nguyễn Quang Th, Phạm Đức T tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Nhận hối lộ” và bị cáo Nguyễn Quang Th phạm tội “Đưa hối lộ” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức án Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Quang Th xin rút kháng cáo nên đề nghị giải quyết theo quy định. Đối đáp quan điểm bào chữa của Luật sư Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và đề nghị;

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức T trình bày: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án về hành vi của bị cáo chưa đủ cơ sở cấu thành tội “nhận hối lộ”. Bị cáo không có thẩm quyền xử lý hành vi phạm tội “Đánh bạc” của bị cáo Th; bị cáo không biết việc Th ghi sổ đề qua mạng cụ thể như thế nào; chỉ có lời khai một phía của bị cáo Th; việc bị cáo trình bày việc Cơ quan thanh tra của Công an V cho bị cáo ký vào tờ giấy trắng không ghi nội dung theo yêu cầu là có căn cứ nên hành vi của bị cáo nếu có là tội danh “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nên đề nghị chuyển tội danh và xem xét cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có thời gian dài công tác trong ngành công an có nhiều thành tích trong công tác đã được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ công an; kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Huy chương vì an ninh tổ quốc; chiến sĩ thi đua và nhiều giấy khen của ngành công an; đã thi hành nộp số tiền thu lợi theo bản án sơ thẩm tuyên buộc để giảm nhẹ hình phạt dưới khung quy định và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng tháng 01/2023, Phạm Đức T là cảnh sát khu vực J, Quận V Thành phố Hồ Chí Minh biết Nguyễn Quang Th có hoạt động ghi sổ đề tại địa chỉ số 369/4/5 đường S, J, Quận V. Th lo sợ bị T xử lý nên Th đề nghị mỗi tháng sẽ gửi cho T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng để T xem như không biết việc Th bán sổ đề thì T đồng ý. Từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024 (15 tháng), Th đã chuyển khoản cho T số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng.

Ngày 26/4/2024, Tổ công tác 363 K, Công an Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra phát hiện Nguyễn Quang Th điều khiển xe mô tô biển số 55Y8-4255 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện hành vi “Đánh bạc” của Nguyễn Quang Th và đồng phạm tại địa chỉ trên nên lập hồ sơ xử lý.

Kết quả điều tra xác định: Ngày 15/01/2023, T có nhắn cho Th số tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0071000807714, chủ tài khoản là PHAM DUC T, để Th chuyển tiền (đã thu thập hình ảnh chứa nội dung tin nhắn thể hiện việc T nhắn số tài khoản Ngân hàng của T cho Th vào lúc 18 giờ 56 phút ngày 15/01/2023, đến 19 giờ 00 tin nhắn “*nhận rồi*” và gửi cho Th (qua kiểm tra lịch sử giao dịch, xác định được Th đã gửi cho T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng vào lúc 19 giờ 00 ngày 15/01/2023). Hàng tháng vào ngày 15 (hoặc 16) Th sử dụng tài khoản Sacombank số 060234045485 của Th chuyển số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng vào tài khoản Vietcombank của T. Liên tục từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024 hàng tháng Th đã chuyển cho T số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng (sau mỗi lần chuyển tiền Th đều chụp ảnh màn hình đã chuyển tiền gửi qua zalo cho T để xác nhận đã chuyển tiền). Từ tháng 4/2024, Th không tiếp tục chuyển tiền cho T do khó khăn về tài chính. Đến ngày 26/4/2025, Th bị kiểm tra và bị phát hiện như đã nêu trên.

Phạm Đức T: thừa nhận đã nhận số tiền tổng cộng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng từ Nguyễn Quang Th chuyển khoản (trong 15 tháng), tuy nhiên T không thừa nhận lý do nhận tiền là để bỏ qua, không xử lý Th về hành vi ghi sổ đề mà là tiền do Th gửi để bồi dưỡng cho T và anh em trong lúc làm việc. Lời khai ban đầu Phạm Đức T xác nhận có biết Nguyễn Quang Th hoạt động bán sổ đề nhưng Th hoạt động mua bán sổ đề tại phường Y, Quận V chứ không hoạt động tại J, Quận V. Tuy nhiên sau đó T đã phủ nhận việc biết Th bán sổ đề.

Với hành vi vi phạm của các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Quang Th và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên Phạm Đức T phạm tội “Nhận hối lộ” theo khoản 1 Điều 354 và bị cáo Nguyễn Quang Th phạm tội “Đưa hối lộ” theo khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Quang Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Quang Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Đối với Phạm Đức T, thừa nhận hành vi vi phạm nhưng cho rằng mình không phạm tội là không có cơ sở, bởi lẽ: Kết quả điều tra và tranh tụng tại

phiên toà xác định: Phạm Đức T lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình là cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn, đã trực tiếp nhận tiền của Nguyễn Quang Th (là cư dân thuộc địa bàn quản lý) mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, tổng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để không xử lý về hành vi ghi sổ đề của Th nên đã phạm vào tội “Nhận hối lộ”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ đó là: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội. Bị cáo thừa nhận các lần nhận tiền, chuyển khoản, giao dịch, tin nhắn phù hợp với lời khai của bị cáo Th nên Hội đồng xét xử vẫn áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được tặng huy chương “Vì an ninh Tổ quốc” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo là có cơ sở. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo có bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới là đã thi hành nộp số tiền 15.000.000 đồng thu lợi bất chính theo bản án sơ thẩm tuyên. Ngoài ra bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác đã được Cơ quan có Thẩm quyền công nhận và khen thưởng nêu trên là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được áp dụng nên xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở. Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bản án sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung (bắt buộc áp dụng) cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời gian từ 01 năm đến 05 năm theo quy định tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật hình sự là có thiếu sót nên cần rút kinh nghiệm tránh sai sót về sau.

- Đối với Nguyễn Quang Th, Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo tự nguyện rút kháng cáo. Do vậy, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Th, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; chấp nhận rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang Th; Đình chỉ xét xử phúc thẩm. Bản án hình sự sơ thẩm số 406/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu Vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Quang Th có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 21/8/2026.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Đức T, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 406/2026/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu Vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Luật

K6/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 02 (hai) năm tù về tội “Nhận hối lộ”, thời hạn tù Th từ ngày bị cáo thi hành án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TANDTC; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND Khu vực 7 (1)
- PV06-CATP. HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- THA HS Khu vực 7 (1)
- TAND Khu vực 7 (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Lưu,Tòa hình sự, hồ sơ (20).(3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trực

